

PHỤ LỤC 01
Kinh phí thực hiện trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi nghỉ hưu

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Minh Long)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên	Thời gian bắt đầu làm việc ở vùng có ĐKKTXH ĐBK	Thời điểm nơi công tác được quyết định không còn là vùng có điều kiện KTXH ĐBK, chuyển vùng	Số tháng, năm được hưởng	Số năm được hưởng (tính tròn)	Hệ số lương và phụ cấp				Tiền lương hiện hưởng 1 tháng	Tổng tiền trợ cấp
						Tổng số	Trong đó				
							Hệ số lương	Hệ số phụ cấp chức vụ	Hệ số phụ cấp thâm niên vượt khung		
	TỔNG CỘNG										1.304,098
I	ĐANG ỦY XÃ										446,431
1	Đinh Tiến Phong	1/1/2009	6/2025	15,0	15,0	4,57	4,32	0,25		10,694	80,204
2	Đinh Công Guồng	1/1/2000	30/6/2025	25 năm 6 tháng	25,5	4,01	3,86	0,15		9,383	119,638
3	Đinh Thị Mau	1/6/2011	30/6/2025	14 năm	14,0	3,48	3,33	0,15		8,143	57,002
4	Đinh Văn Nghênh	1/1/2000	30/6/2025	25 năm 6 tháng	25,5	3,53	3,33	0,20		8,260	105,318
5	Đinh Văn Bể	5/1/2014	30/6/2025	11 năm 1 tháng	11,0	3,15	3,00	0,15		7,371	40,541
6	Đinh Văn Hiền	2/1/2014	30/6/2025	11 năm 4 tháng	11,5	3,25	3,00	0,25		7,605	43,729
II	Trung tâm Phục vụ HCC										135,433
1	Đinh Văn Vinh	01/9/2004	30/6/2025	20 năm 10 tháng	21,0	3,53	3,33	0,20		8,260	86,732
2	Hồ Thị Em	05/6/2012	30/6/2025	12 năm 1 tháng (do trừ 12 tháng sinh 2 con)	12,5	3,33	3,33			7,792	48,701
III	Hội đồng nhân dân										207,230
1	Đinh Văn Roát	01/01/2000	30/6/2025	25 năm 6 tháng	25,5	4,24	3,99	0,25	-	9,922	126,500
2	Đinh Văn Chiêu	01/9/2012	30/6/2025	12 năm 10 tháng	13,0	3,00	3,00	-	-	7,020	45,630
3	Đinh Văn Hoa	01/01/2015	30/6/2025	10 năm 02 tháng	10,0	3,00	3,00	-	-	7,020	35,100
IV	VP HĐND và UBND xã Minh Long										37,440
1	Đinh Thị Ri	01/01/2015	30/6/2025	10 năm 0 tháng	10,0	3,20	3,00	0,20	-	7,488	37,440
V	Ban chỉ huy QS										48,672
1	Đinh Văn Nhà	01/9/2012	30/6/2025	12 năm 10 tháng	13,0	3,20	3,00	0,20		7,488	48,672
VI	Phòng Văn hóa - XH										78,4310
1	Đinh Thị Ân	01/09/2012	30/6/2025	12 năm 10 tháng	13,0	3,00	3,00			7,020	45,630
2	Đinh Tô	01/01/2015	30/6/2025	10 năm 6 tháng	10,5	2,67	2,67			6,248	32,801
VII	Phòng kinh tế										98,034
1	Lê Thành Tâm	01/09/2004	30/6/2025	20 năm 10 tháng	21,0	3,99	3,99			9,337	98,034
VIII	Trường PTDTBT TH&THCS Long Môn										252,426
1	Đinh Văn Roi	1/1/2000	31/10/2025	25 năm 10 tháng	26,0	4,63	4,06		0,57	10,830	140,796
2	Đinh Minh Hòa	4/1/2002	30/09/2025	23 năm 6 tháng	23,5	4,06	4,06			9,500	111,630

